

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 38/2026/DS-ST
Ngày: 21-4-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huỳnh Hải

Ông Danh Văn Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Tây Ninh tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Thị Bé Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lâm Chí D, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lâm Chí C, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 18/9/2025). Có mặt.

Bị đơn: Ông Đặng Văn B, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 17/01/2025, ông Đặng Văn B có đến nhà nguyên đơn vay số tiền 155.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 20/02/2025, mục đích vay tiền là để làm vốn

trồng và mua bán cây kiểng, ông B có viết biên nhận thể hiện thông qua “Giấy mượn tiền” ngày 17/01/2025, có ký tên viết họ tên giao cho nguyên đơn giữ biên nhận. Về tiền lãi có thỏa thuận bên ngoài, không ghi vào biên nhận. Đến hạn trả nợ, nguyên đơn đòi tiền rất nhiều lần nhưng ông B né tránh, không trả tiền gốc lẫn tiền lãi. Do mục đích vay tiền của ông T là để làm kinh tế, phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn B và vợ là bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn anh Lâm Chí D 155.000.000 đồng tiền vốn, không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn ông Đặng Văn B và bà Huỳnh Thị Thanh vắng M trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ chứng minh mối quan hệ giữa ông Đặng Văn B và bà Huỳnh Thị T là vợ chồng hợp pháp và hiện tại ông B có trồng và buôn bán cây kiểng tại địa phương nơi bị đơn cư trú.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Đối với các đương sự, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của ông D: Ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Văn B và bà Huỳnh Thị T phải liên đới trả cho ông D số tiền vay gốc là 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng), ông D không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận, bởi vì: Căn cứ vào “Giấy mượn tiền” ngày 17/01/2025” có chữ ký của ông Đặng Văn B thể hiện ông B có vay của ông D số tiền là 155.000.000 đồng, ông B hẹn đến ngày 20/02/2025 sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho ông D nhưng đến nay ông B vẫn chưa trả. Trong giấy mượn tiền có chữ ký của ông B, thể hiện ông B vay của ông D số tiền 155.000.000 đồng, ông B vay tiền về nhằm mục đích mua bán kiểng nhằm phục vụ kinh tế gia đình nên chấp nhận đối với yêu cầu bà T liên đới trả ông D. Do ông B, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông D nên ông B, bà T phải có trách nhiệm trả lãi chậm trả cho ông D, nhưng ông D không yêu cầu nên không xem xét. Ông B, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B, bà T vắng mặt, từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Do đó, buộc ông B, bà T phải trả cho ông D số tiền vay gốc là 155.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Từ những phân tích trên, căn cứ quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 116, 119, 288, 463 Bộ luật Dân sự; các điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại ấp V, xã V, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về khoản vay đã quá hạn, bị đơn vi phạm nghĩa vụ và cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ “Giấy mượn tiền” có chữ viết và chữ ký tên của bị đơn với nội dung: “Hôm nay ngày 17/1/2025, tôi tên Đặng Văn B, ngày 17/01/2025 tôi có mượn của Lâm Chí D số tiền 155.000.000đ. Hẹn đến 20/02/2025 sẽ hoàn trả. Tôi cam đoan, tôi tự viết. Người mượn tiền: Đặng Văn B”, nội dung biên nhận thể hiện việc bị đơn Đặng Văn B có vay tiền của của anh Lâm Chí D 155.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 20/02/2025, đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo thời gian ấn định trong văn bản thỏa thuận nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại số tiền đã vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ liên đới cùng với ông B trả số tiền vay cho nguyên đơn, thấy rằng: Đại diện nguyên đơn cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Huỳnh Thị T với ông Đặng Văn B là vợ chồng hợp pháp. Khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và theo lời trình bày của nguyên đơn thì mục đích vay tiền của bị đơn là để làm vốn trồng và mua bán cây kiểng là để làm kinh tế, phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, chính quyền địa phương cũng đã xác nhận việc ông B có trồng kiểng và mua bán cây kiểng, nên bà T phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông B trả tiền nợ vay cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.3] Về tiền lãi trong hạn và quá hạn, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp, bị đơn ông Đặng Văn B và bà Huỳnh Thị T phải liên đới chịu tiền án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 116, 117, 119, 134, 288, 463, 466, 470 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lâm Chí D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Đặng Văn B và bà Huỳnh Thị T.

Buộc ông Đặng Văn B và bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Lâm Chí D số tiền 155.000.000 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Đặng Văn B và bà Huỳnh Thị T phải liên đới chịu 7.750.000 đồng (bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho nguyên đơn anh Lâm Chí D 3.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu tiền số 0010853 ngày 05/11/2025.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV9-Tây Ninh;
- Phòng THADS KV9-Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**